

Các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng nói tiếng Anh của sinh viên

Nguyễn Thị Đan Thanh*

*ThS. Trường Đại học Đồng Tháp

Received: 9/4/2024; Accepted: 16/5/2024; Published: 21/5/2024

Abstract: Language skill especially speaking skill is not easy to master, especially, for foreign languages learners. In fact, in practice, EFL learners often meet complicated problems and difficulties when it comes to perform orally. However, it has been argued that classroom dialogues can stand as a good means and an appropriate instructional strategy that can help EFL learners overcome their problems, and hence, enable these learners become competent and proficient in the target languages. The aim of this study is to investigate Talking about common topics to overcome EFL learners speaking difficulties. As well as, the other aim is to improve their speaking skill.

Keywords: Common topics, speaking difficulties, speaking skill, talking, teaching speaking

1. Đặt vấn đề

Việc học và sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp là một trong những yêu cầu cơ bản cho sinh viên trong và sau khi tốt nghiệp. Trong hệ thống giáo dục Việt Nam, tiếng Anh từ lâu là môn học bắt buộc ở tất cả các cấp học, bao gồm giáo dục đại học.

Theo Bygate M. (1987), kỹ năng nói là một trong những kỹ năng mang tính phân xạ giúp người nói bày tỏ được suy nghĩ của mình thông qua giao tiếp bằng ngôn ngữ với người nghe. Byrne (1986) cho rằng, nói chính là quá trình hai chiều giữa người nói và người nghe liên quan đến kỹ năng tiếp nhận và thực hành. Các ngữ cảnh giúp người nói chuyển tải ý kiến của mình một cách tự nhiên. Đó không chỉ là những ngữ cảnh trang trọng mà còn là những ngữ cảnh thông dụng như giao tiếp ở siêu thị, nhà hàng hay nơi làm việc. Phương pháp dạy của giảng viên có ảnh hưởng rất lớn đến thành công trong việc học kỹ năng nói tiếng Anh. Kỹ năng nói giúp người học thực hiện được chức năng giao tiếp, cũng đóng góp tích cực cho việc củng cố kỹ năng nghe hiểu của người học đồng thời giúp họ tích lũy được vốn từ vựng để sử dụng trong các kỹ năng khác có liên quan.

Qua thực tế, sinh viên không chuyên ngữ Trường Đại học Đồng Tháp thường gặp một số khó khăn khi giao tiếp hoặc thực hành nói tiếng Anh trên lớp, dẫn đến kết quả của sinh viên không cao và càng làm họ “ngại nói” khi học tiếng Anh.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thực trạng nói tiếng Anh của sinh viên

- Đánh giá mức độ khó của kỹ năng nói so với ba kỹ năng còn lại khi học tiếng Anh của sinh viên.

Theo khảo sát, có 40% sinh viên cho rằng kỹ năng nói là khó nhất đối với mình, trong khi các sinh viên lại thấy dễ nhất là kỹ năng đọc (12%). Bên cạnh đó 30% số sinh viên trả lời, kỹ năng nghe cũng gây rất nhiều khó khăn cho sinh viên và 18% các phản hồi kỹ năng viết là khó. Nguyên nhân khiến sinh viên đánh giá kỹ năng nói là khó nhất trong 4 kỹ năng được khảo sát bao gồm:

+ Vốn từ vựng ít dẫn đến việc sinh viên không thể diễn đạt được suy nghĩ của mình.

+ Vận dụng ngữ pháp chưa tốt do chưa phân biệt được rõ sự khác nhau giữa các thì gần nhau (ví dụ: thì hiện tại hoàn thành và quá khứ đơn hay tương lai gần của mẫu To be going to, Will và To be + V-ing, thậm chí là khi nào là thì hiện tại đơn với động từ tobe).

+ Luyện tập chưa thường xuyên, tích cực. Ngoài ra, kỹ năng nói không có đáp án rõ ràng, chính xác như kỹ năng nghe và đọc nên sinh viên khó tự đánh giá bản thân. Do vậy, để đạt được sự tiến bộ, sinh viên phải đầu tư thời gian luyện tập bền bỉ và tích cực.

- Kết quả kiểm tra trước khi áp dụng thực hành nói những chủ đề thông dụng trong dạy nói

Sau khi thực hiện bài kiểm tra đánh giá kỹ năng nói của sinh viên, tác giả thấy đây là thực trạng đáng quan ngại vì hiện nay sinh viên đang học năm thứ 3 đã hoàn thành 3 học phần Tiếng Anh căn bản, tương đương trình độ B1, theo chuyên VSTEP nhưng vẫn rất nhiều sinh tỏ ra lúng túng và không thể trình bày được bài nói của mình (28%). Gần một nửa số sinh viên chỉ có thể diễn đạt ở mức trung bình (42%).

2.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng nói của sinh viên

Qua khảo sát, mỗi lớp học có tới 40 sinh viên, gây khó khăn trong tổ chức các hoạt động rèn kỹ năng nói. Ngoài ra, trình độ của sinh viên không đồng đều. Với những sinh viên yếu, giảng viên phải dành nhiều thời gian để củng cố ngữ pháp và từ vựng, nên thời gian dành cho việc luyện nói là chưa đủ. Thời gian thực hành cho kỹ năng nói chưa được phân bổ hợp lý, bản thân sinh viên vì ngại nói nên dần mất đi hứng thú với môn học này dẫn đến khi chịu luyện tập, thực hành, làm bài tập ở nhà theo yêu cầu của giảng viên.

2.3. Đề xuất một số hoạt động cải thiện kỹ năng nói cho sinh viên

Kỹ năng nói là một trong 4 kỹ năng quan trọng khi học một ngôn ngữ mà người học không thể bỏ qua hoặc xem nhẹ. Do đó, giảng viên tiếng Anh cần quan tâm phát triển kỹ năng nói cho sinh viên, đồng thời tạo động lực để sinh viên say mê, không ngại nói. Trong quá trình giảng dạy, giảng viên không chỉ cung cấp cho sinh viên những kinh nghiệm học hiệu quả mà còn cung cấp cho các em nhiều chủ đề đa dạng để luyện tập như quê hương, bạn bè, du lịch, môi trường, ẩm thực, y tế, giáo dục, truyền thông, luật pháp, giao thông... Một số hoạt động luyện nói có thể đem lại hiệu quả cao như hoạt động nhóm (group-work), hoạt động theo cặp (pair-work), trò chơi (game), thuyết trình (presentation) và đóng vai hội thoại (making conversations).

Tác giả đã lựa chọn hoạt động dạy kỹ năng nói cho sinh viên qua các chủ đề thông dụng để khảo sát mức độ tiến bộ đối với kỹ năng nói của sinh viên không chuyên ngữ lớp TA2 tại Đại học Đồng Tháp. Sau khi làm bài kiểm tra nói và trước khi áp dụng hoạt động này, tác giả tiến hành chia nhóm và phân chủ đề để luyện tập.

Mỗi nhóm 5 sinh viên sẽ cùng nhau viết kịch bản cho chủ đề họ được phân công và thống nhất phân vai. Trong vòng một tuần, sinh viên viết xong kịch bản và phân vai gửi cho giảng viên duyệt. Sau khi được duyệt, sinh viên tiến hành luyện tập 01 tuần, quay video gửi cho giảng viên (video có thời lượng từ 5 đến 7 phút). Các nhóm sinh viên sẽ nhận được ba chủ đề khác nhau trong các tuần kế tiếp để luyện tập. Do quỹ thời gian hạn chế nên sau mỗi tuần nhận video của sinh viên, giáo viên thường chọn ra hai clip (01 clip tốt và 01 clip chưa tốt) để chiếu trước lớp và nhận xét để sinh viên phát huy hoặc rút kinh nghiệm. Giáo viên phân bổ lịch luyện tập của sinh viên như sau:

- Tuần 1: Giảng viên nhận lớp; Sinh viên làm bài kiểm tra trước khi áp dụng hoạt động

- Tuần 2: Giảng viên triển khai chủ đề 1, cung cấp từ vựng, mẫu câu, cho sinh viên xem clip hội thoại liên qua đến chủ đề

- Tuần 3: Sinh viên tập trả lời bảng câu hỏi liên quan đến chủ đề mà giảng viên đã gợi ý và đi khảo sát với ít nhất 3 bạn trong lớp

- Tuần 4: Giảng viên phân nhóm, sinh viên tạo ra tình huống theo chủ đề đã học, quay clip và gửi cho giảng viên

- Tuần 5: Giảng viên triển khai chủ đề 2, cung cấp từ vựng, mẫu câu, cho sinh viên xem clip hội thoại liên qua đến chủ đề

- Tuần 6: Sinh viên tập trả lời bảng câu hỏi liên quan đến chủ đề mà giảng viên đã gợi ý và đi khảo sát với ít nhất 3 bạn trong lớp

- Tuần 7: Giảng viên phân nhóm, sinh viên tạo ra tình huống theo chủ đề đã học, quay clip và gửi cho giảng viên

- Tuần 8: Giảng viên triển khai chủ đề 3, cung cấp từ vựng, mẫu câu, cho sinh viên xem clip hội thoại liên qua đến chủ đề

- Tuần 9: Sinh viên tập trả lời bảng câu hỏi liên quan đến chủ đề mà giảng viên đã gợi ý và đi khảo sát với ít nhất 3 bạn trong lớp

- Tuần 10: Giảng viên phân nhóm, sinh viên tạo ra tình huống theo chủ đề đã học, quay clip và gửi cho giảng viên

- Tuần 11: Làm bài kiểm tra sau khi áp dụng hoạt động

- Tuần 12: Nhận xét của giảng viên

2.4. Nhận xét sau khi áp dụng nói về những chủ đề phổ biến

Sinh viên mạnh dạn hơn khi trình bày bài nói của mình. Đặc biệt, sinh viên tích lũy được vốn từ vựng phong phú hơn, khả năng nghe tốt hơn. Sinh viên đã tự tin, mạnh dạn hơn giao tiếp; số sinh viên thể hiện bài nói của mình ở mức khá tốt và tốt chiếm 2/3 tổng số sinh viên trong lớp. Tuy nhiên vẫn còn một tỷ lệ nhỏ thể hiện kỹ năng nói ở mức yếu (1,5%) do những sinh viên này chủ yếu không có nền tảng tiếng Anh cơ bản từ bậc học phổ thông. Tác giả đã tiến hành phỏng vấn người học sau khi áp dụng hoạt động nói với câu hỏi “Em cảm thấy thế nào sau khi tham gia hoạt động nói cùng các bạn?”. Sinh viên cho rằng hoạt động nói về những chủ đề phổ biến giúp sinh viên cảm thấy tự tin, dễ dàng nắm bắt được nội dung bài học, từ đó cũng cải thiện kỹ năng nghe.

(Xem tiếp trang 150)

e). Nghiên cứu và phát triển tiên tiến.

Công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) cung cấp một cơ sở vững chắc cho sinh viên ngành CNTT tham gia vào các dự án nghiên cứu và phát triển tiên tiến. Dưới đây là một số cách mà AI có thể tích hợp vào quá trình này:

- **Học máy và học sâu:** Sinh viên có thể nghiên cứu và phát triển các mô hình học máy và học sâu để giải quyết các vấn đề phức tạp trong lĩnh vực CNTT. Các mô hình này có thể được áp dụng trong việc xử lý ngôn ngữ tự nhiên, nhận dạng hình ảnh, và dự đoán xu hướng.

- **Robotics và Internet of Things (IoT):** Sinh viên có thể phát triển các hệ thống điều khiển và quản lý robotics thông qua AI, ví dụ, họ có thể tạo ra các robot tự học để tự động thích nghi với môi trường hoặc học cách thực hiện các nhiệm vụ mới. Ngoài ra, AI cũng có thể được tích hợp vào các dự án IoT để thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu từ các thiết bị kết nối, từ đó sinh viên có thể phát triển các hệ thống dựa trên AI để dự đoán sự cố, tối ưu hóa hiệu suất hoạt động và cải thiện trải nghiệm người dùng.

- **Nghiên cứu mới về AI:** Sinh viên có thể tham gia vào các dự án nghiên cứu mới liên quan đến AI, bao gồm việc phát triển các thuật toán mới, cải tiến các mô hình hiện có và áp dụng AI vào các lĩnh vực mới như y học, năng lượng và môi trường để giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường phức tạp.

- **Phát triển ứng dụng tiên tiến:** AI cung cấp cơ hội cho sinh viên có thể phát triển các ứng dụng tiên tiến trong các lĩnh vực như tự động hóa, điều khiển, và dự đoán. Sinh viên có thể sử dụng AI để tạo ra các

sản phẩm và dịch vụ mới có khả năng thích ứng và cải thiện theo thời gian.

- **Hợp tác với các tổ chức nghiên cứu và doanh nghiệp:** Sinh viên có thể tham gia và hợp tác với các tổ chức nghiên cứu và doanh nghiệp để áp dụng công nghệ AI vào các dự án thực tế, đóng góp vào sự phát triển của ngành CNTT.

3. Kết luận

Trên đây là những ứng dụng của công nghệ Trí tuệ nhân tạo (AI) với sinh viên đang học ngành Công nghệ thông tin tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Nhờ công nghệ AI mà sinh viên ngành này có thể khám phá và áp dụng để nâng cao kiến thức, kỹ năng và sự sáng tạo của mình. Việc tích hợp AI vào quá trình học tập, nghiên cứu, phát triển sản phẩm và dịch vụ không chỉ giúp sinh viên hiểu sâu về lĩnh vực CNTT mà còn mở ra cơ hội tham gia vào các dự án tiên tiến và thúc đẩy sự phát triển của lĩnh vực này.

Tài liệu tham khảo

[1] Cao Hoàng Trụ (2008), *Trí tuệ Nhân tạo = Thông minh + Giải thuật*. NXB Đại học Quốc Gia TP.HCM.

[2] Huỳnh Hùng Tài và nhóm WeTransform dịch (2019), *tác giả Bernard Marr, ứng dụng trí tuệ nhân tạo để dẫn đầu*. NXB Văn Hóa - Văn Nghệ TP.HCM.

[3] Trương Ngọc Sơn (2020), *Giáo trình trí tuệ nhân tạo cơ sở và ứng dụng*, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM

[4] Phạm Nguyên Trường (dịch 2018), tác giả Andrew Wachtel, *Trường đại học trong thời đại trí tuệ nhân tạo (Universities in the Age of AI)*. Tạp chí Tia Sáng, Bộ Khoa học và Công nghệ.

Các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng nói... (tiếp theo trang 92)

3. Kết luận

Thực tế giảng dạy cho thấy việc nâng cao chất lượng dạy tiếng Anh nói chung và dạy kỹ năng nói tiếng Anh nói riêng cho sinh viên phụ thuộc rất nhiều vào phương pháp giảng dạy. Ngoài ra, đối với kỹ năng nói, việc tạo điều kiện cho người học nói những chủ đề thông dụng, khiến cho người học cảm thấy thiết thực và cũng có thể dễ dàng áp dụng ngay sau khi học trong cuộc sống hàng ngày.

Qua kinh nghiệm giảng dạy, tác giả nhận thấy khi người học có được sự tự tin và thấy được tính ứng dụng của môn học, người học sẽ cảm thấy có động lực hơn trong công việc.

Tài liệu tham khảo

[1]. Bygate M. (1987), *Speaking*. Oxford University Press

[2]. Byrne, D (1986), *Teaching Oral English*. London. Longman Group UK Limited

[3]. Gareth Smith (2018), *Teaching Speaking in Non-academic contexts*. <https://onlinelibrary.wiley.com/doi/10.1002/9781118784235.eelt0257>

[4]. Sonca Vo (2020), *Evaluating interactional competence in interview and paired discussion tasks: A rater cognition study*. <https://onlinelibrary.wiley.com/doi/10.1002/tesj.563>

[5]. Nivja H. De Jong (2020), *Teaching Speaking*. <https://onlinelibrary.wiley.com/doi/10.1002/9781405198431.wbeal1437.pub2>